TAND HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
V/v: Chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Tiến

2. Ông Phạm Văn Quang

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 03/10/2018 tại trụ sở TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2018 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị L, sinh năm 1975 - Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 - Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1924 - Xin xét xử vắng mặt

2. Bà Đào Thị B, sinh năm 1947 - Vắng mặt

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 - Xin xét xử vắng mặt

Đều trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Chị L trình bày: Chị và anh P kết hôn vào năm 1990. Năm 1992 chính quyền chia ruộng canh tác. Tại thời điểm chia ruộng hộ gia đình chị do anh P làm chủ hộ có các thành viên: Anh P, bà Đào Thị B (mẹ anh P), cụ Nguyễn Thị L, chị và chị Nguyễn Thị T. Do cụ L đã hết tuổi lao động nên được chia 1/2 định suất, những người còn lại mỗi người được chia 1 định suất. Tại thời điểm giao đất, mỗi định suất được chia khoảng 729m^2. Quá trình sử dụng, do mở đường, làm mương thoát nước, chính quyền đã lấy mất 1 phần đất ruộng của hộ gia đình, đến nay mỗi định suất chỉ còn lại 648m^2. Năm 2011 chị và anh P đã ly hôn tại TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án đã giải

quyết xong vè quan hệ hôn nhân, con chung nhưng chưa giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh P phải trích trả chị 648m^2 đất canh tác thuộc định suất ruộng của chị mà anh P đang quản lý.

Ngoài yêu cầu trên, chị không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn - Anh P trình bày: Năm 1992 địa phương tiến hành chia ruộng canh tác cho cá nhân, hộ gia đình. Tại thời điểm chia ruộng hộ gia đình anh gồm: Anh là chủ hộ, bà Đào Thị B, cụ Nguyễn Thị L, chị Lâm Thị L và chị Nguyễn Thị T. Cụ L được chia 1/2 định suất, những người còn lại mỗi người được chia 1 định suất, gồm các xứ đồng sau: Mục Sâu 408m^2, Mục Hoang 528 m^2, Đống Sành 72 m^2, 3 thửa Dưới Và có tổng diện tích 576 m^2, Mục Cao 216m^2, Trên Đồng 240 m^2, Ao Giếng 120m^2. Anh đã tách trả chị T và cụ L một số xứ đồng. Việc trích trả các thành viên trong hộ đều là tự nguyện, đến nay không ai có tranh chấp gì.

Đối với định suất ruộng của anh và chị L, hai bên đã thỏa thuận không phân chia mà để lại cho các con. Nay chị L yêu cầu anh trả 1 định suất chị được chia, anh không đồng ý.

Ngoài nội dung trên, anh P không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị L, bà Đào Thị B, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1990, chị L và anh P kết hôn với nhau. Năm 1992, địa phương chia đất canh tác cho cá nhân, hộ gia đình. Tại thời điểm chia ruộng hộ gia đình do anh P làm chủ hộ có các thành viên: Anh P, bà Đào Thị B (mẹ anh P), cụ Nguyễn Thị L, chị L và chị Nguyễn Thị T. Do cụ L đã hết tuổi lao động nên được chia 1/2 định suất, những người còn lại mỗi người được chia 1 định suất. Tại thời điểm giao đất, mỗi định suất được chia khoảng 729m^2. Quá trình sử dụng, do mở đường, làm mương thoát nước, chính quyền đã lấy mất 1 phần đất ruộng của hộ gia đình, đến nay mỗi định suất chỉ còn lại 648m^2. Phần của chị T và cụ L, anh P đã tách trả một phần. Việc tách trả là tự nguyện, không ai có tranh chấp gì.

Nay chị L yêu cầu anh P trích trả 1 định suất ruộng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần đất ruộng đã tách trả cụ L và chị T không ai có ý kiến hay tranh chấp gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh P phải trả chị L 1 định suất ruộng là 648m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà,căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Trên cơ sở kết quả xác minh tại Hợp tác xã (HTX) dịch vụ nông nghiệp thôn T, xã Đ cũng như lời khai và các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Chị L và anh P kết hôn năm 1990. Năm 1992, địa phương tiến hành chia ruộng canh tác cho cá nhân, hộ gia đình của thôn. Tại thời điểm chia ruộng hộ gia đình anh P có 5 thành viên, gồm có: Cụ Nguyễn Thị L, bà Đào Thị B, anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị T và chị Lâm Thị L. Mỗi định suất được chia khoảng 729m^2. Trong 5 thành viên của hộ gia đình thì cụ L được 1/2 định suất, các thành viên còn lại được chia đủ 1 định suất. Quá trình sử dụng, năm 1994 do làm đường 295 và làm kênh mương, chính quyền đã lấy mất 1 phần đất ruộng của hộ gia đình, nên mỗi định suất ruộng của hộ gia đình anh P còn lại là 648m^2. Bao gồm các xứ đồng sau: Mục Sâu, Mục Hoang, Đống Sành, 3 thửa Dưới Và, Mục Cao, Ao Giếng, Đồng Quan, Đồng Bồng, Trên Đồng Ven Vùng, Trên Đồng Ven Vùng. Sau đó, các thành viên trong hộ đã tự nguyện phân chia trả cho cụ L và chị T một phần diện tích đất của hộ gia đình. Việc phân chia này là tự nguyện, diện tích phân chia có thể cao hơn hoặc thấp hơn định suất được chia nhưng các thành viên trong hộ không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Toàn bộ các xứ đồng còn lại gồm: Mục Sâu 408m^2, Mục Hoang 528 m^2, Đống Sành 72 m^2, 3 thửa Dưới Và có tổng diện tích 576 m^2, Mục Cao 216m^2, Ao Giếng 120m^2, Trên Đồng Ven Vùng 240m2. Đây là tài sản chung theo phần của vợ chồng anh P, chị L và các thành viên trong hộ.

Nay chị L yêu cầu anh P phải trích trả chị 648m^2 đất canh tác của chị hiện anh P đang quản lý và canh tác. Giá trị theo định giá là 284.472.000đ.

Nội dung trình bày và yêu cầu của chị L được anh P và các thành viên trong hộ thừa nhận là chính xác. Tuy nhiên, anh P không chấp nhận trích trả mà buộc chị L phải cho định suất ruộng của chị cho các con của anh và chị L.

Xét yêu cầu của anh P là vô lý. Bởi lẽ, diện tích đất ruộng canh tác là tài sản riêng của chị L nên việc chị L cho ai là hoàn toàn thuộc quyền của chị L. Anh P không có quyền buộc chị L phải cho diện tích đất của chị L cho các con chung của anh và chị L.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận. Do hiện nay hộ gia đình có nhiều thửa ruộng canh tác nên khi phân chia cần chia theo hướng không phân chia đều diện tích mỗi định suất trên tất cả các thửa đang canh tác mà giao cho chị L một hoặc hai thửa ruộng đúng bằng với diện tích của định suất mà chị được phân chia trước đây. Việc phân chia như vậy vẫn đảm bảo quyền và lợi ích của các thành viên trong hộ cũng như phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay là: Dồn điền đổi thửa tiến tới sản suất hàng hóa và canh tác trên cánh đồng mẫu lớn.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được xác định và phân chia. Chi phí thẩm định, định giá chị L tự nguyện chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 29, 33, 34, 35 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 147, 157 BLTTDS, Điều 214, 217, 224 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi của chị Nguyễn Thị L. Xác định tài sản riêng của chị L hiện nay anh P đang quản lý và canh tác là 648m^2 đất ruộng canh tác tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Buộc anh Nguyễn Văn P phải trích trả chị L 01 định suất ruộng canh tác của chị có diện tích 648m^2 gồm hai thửa đất ruộng tại các xứ đồng sau:

1. Thửa đất ruộng số 70 diện tích 528m^2 thuộc đồng Mục Hoang, có tứ cận: Phía Đông giáp ruộng H, phía Nam giáp ruộng nhà T, phía Bắc giáp ruộng nhà L, phía Tây giáp ruộng nhà L.

2. Thửa đất ruộng số 31 diện tích 120m^2 thuộc đồng Dưới Và, có tứ cận: Phía Đông giáp ruộng nhà N, phía Tây giáp đường bê tông, phía Nam giáp ruộng nhà C, phía Bắc giáp ruộng nhà L tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Chị L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách hộ và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ruộng trên và phải nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu 14.224.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 9.307.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0003689 ngày 09/02/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Buộc chị L phải nộp tiếp 4.917.000đ.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị L tự nguyên chịu cả 10.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận chị L đã nộp đủ và đã chi hết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà